



HỘI NGÔN NGỮ HỌC  
VIỆT NAM



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI  
TRƯỜNG NGOẠI NGỮ - DU LỊCH

HỘI THẢO NGỮ HỌC TOÀN QUỐC 2022

# NGÔN NGỮ HỌC ỨNG DỤNG

TRONG XU HƯỚNG HỘI NHẬP QUỐC TẾ



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

# VẬN DỤNG THÀNH NGỮ, TỤC NGỮ THỰC HIỆN HÀNH ĐỘNG NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ QUA LỜI THOẠI NHÂN VẬT TRONG TIỂU THUYẾT MA VĂN KHÁNG

Dặng Thị Thu<sup>1</sup>

**Tóm tắt:** Bài viết quan tâm đến phương tiện thể hiện ngữ nghĩa tham thoại chứa hành động nhận xét qua lời thoại nhân vật trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng, đặc biệt là cách vận dụng thành ngữ, tục ngữ một cách linh hoạt và hiệu quả vào lời thoại có mục đích nhận xét với số lượng cao. Qua cách vận dụng thành ngữ, tục ngữ vào lời thoại có mục đích nhận xét, nhà văn không chỉ thể hiện một cách sâu sắc mục đích nhận xét, đánh giá của vai nói mà còn thể hiện vẻ đẹp hài hòa, cân đối trong ngôn ngữ hội thoại, đồng thời thể hiện tài năng trong cách vận dụng các con chữ đầy biến hóa: vừa quen vừa lạ, vừa giản dị vừa độc đáo. Từ đó nhận ra được những nét đặc trưng trong phong cách nghệ thuật nhà văn Ma Văn Kháng.

**Từ khóa:** Thành ngữ, tục ngữ, hành động nhận xét đánh giá.

## 1. MỞ ĐẦU

Khảo sát ngữ nghĩa của hành động nhận xét qua lời thoại nhân vật trong tiểu thuyết của nhà văn Ma Văn Kháng, chúng tôi nhận thấy có 2 nhóm ngữ nghĩa được đề cập đến gồm: nhóm 1: Con người cá nhân trong các mối quan hệ cụ thể; nhóm 2: Con người nói chung và các vấn đề khác. Trong đó, nhóm thứ nhất chiếm tỉ lệ cao hơn với các nội dung cụ thể: con người cá nhân trong quan hệ gia đình, con người cá nhân trong quan hệ đồng nghiệp, cơ quan và con người cá nhân trong quan hệ khác ngoài xã hội. Đặc biệt là con người cá nhân trong quan hệ gia đình được đề cập nhiều nhất. Điều này cho thấy, nhà văn Ma Văn Kháng luôn trăn trở, đào sâu về những vấn đề ứng xử, các mối quan hệ diễn ra trong gia đình. Nghĩa khái quát bao trùm qua hành động nhận xét trong lời thoại nhân vật là vấn đề nhân tính thể thái, sự suy vi, xuống cấp đạo đức gia đình và xã hội, sự phai nhạt các giá trị nhân văn truyền thống, sự thay đổi, biến chất của nhân cách con người trước lối sống thực dụng và sự tác động của đồng tiền... Đó là những vấn đề cấp thiết được Ma Văn Kháng đặt ra trong các tiểu thuyết tâm lí xã hội.

Để nhận diện được các nội dung ngữ nghĩa, cần thiết phải nghiên cứu các phương tiện thể hiện chúng qua lời thoại nhân vật trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng. Từ đó nhận ra được những nét đặc trưng trong phong cách nghệ thuật của nhà văn. Kết quả khảo sát cho thấy, có ba phương tiện thể hiện ngữ nghĩa tiêu biểu như sau: phương tiện ẩn dụ tu từ, kết cấu so sánh, dùng thành ngữ, tục ngữ. Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi tìm hiểu cách vận dụng thành ngữ, tục ngữ thực hiện hành động nhận xét đánh giá qua lời thoại nhân vật trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng.

## 2. BIỂU HIỆN SỬ DỤNG THÀNH NGỮ, TỤC NGỮ THỰC HIỆN HÀNH ĐỘNG NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ QUÁ LỜI THOẠI NHÂN VẬT TRONG TIỂU THUYẾT MA VĂN KHÁNG

Thành ngữ, tục ngữ là lời ăn tiếng nói hàng ngày của nhân dân, là sản phẩm ngôn ngữ của cha ông ta, được đúc kết từ hàng ngàn năm. Chính vì vậy thành ngữ, tục ngữ là viên ngọc quý trong kho tàng ngôn ngữ của dân tộc Việt Nam.

<sup>1</sup> TS, Trường Đại học Vinh; Email: thudangdhv@gmail.com.

## 2.1. Khái niệm "thành ngữ"

Bàn về khái niệm "thành ngữ" có rất nhiều ý kiến. Tác giả Nguyễn Văn Tu (1986): Thành ngữ là cụm từ cố định mà các từ trong đó đã mất đi tính độc lập đến một trình độ cao về nghĩa, kết hợp tạo ra một khối vững chắc, hoàn chỉnh. Nghĩa của chúng không phải là nghĩa của từng thành tố tạo ra. Có thể có tính hình tượng hoặc cũng có thể không có [4] Nguyễn Thiện Giáp (2010): Thành ngữ là những cụm từ cố định vừa có tính hoàn chỉnh về nghĩa vừa có tính gợi cảm... Bên cạnh nội dung trí tuệ, các thành ngữ bao giờ cũng kèm theo sắc thái bình giá, cảm xúc nhất định. [2]. Tác giả Lê Bá Hán (chủ biên) (1999) cho rằng: Thành ngữ là đoạn câu, cụm từ có sẵn tương đối cố định, ngắn gọn không nhằm diễn trọn một ý... mà nhằm thể hiện một quan niệm dưới một hình thức sinh động, hấp dẫn... dù ngắn hay dài, xét về nội dung ý nghĩa cũng như về chức năng ngữ pháp thành ngữ cũng chỉ tương tự như từ, nhưng là từ đã được tô điểm và nhấn mạnh nghĩa bằng sự diễn đạt sinh động, có nghệ thuật. [3].

Tuy có nhiều cách hiểu khác nhau nhưng chung quy lại, từ trước đến nay các nhà nghiên cứu đã thống nhất với nhau về một khái niệm thành ngữ tiếng Việt với những đặc điểm sau:

- Về hình thức: Mỗi thành ngữ là một cụm từ cố định có kết cấu bền vững và tương đối chặt chẽ, có sẵn trong kho tàng ngôn ngữ và được xã hội quen dùng như một thực từ.

- Về nội dung: Thành ngữ mang chức năng định danh, có ý nghĩa hoàn chỉnh và bóng bẩy. Nghĩa của thành ngữ không phải là nghĩa đen mà có tính chính thể, tính qui ước, tính hàm ẩn. Hay nói cách khác, nghĩa của thành ngữ mang tính chất biểu trưng.

- Về sử dụng: Thành ngữ dù dài hay ngắn chúng đều được sử dụng tương đương như từ (về cả mặt ngữ nghĩa và mặt ngữ pháp). Thành ngữ có thể tương tự với một từ nào đó về mặt nghĩa. Nhưng sử dụng thành ngữ thì diễn đạt sinh động hơn, cụ thể hơn, sâu sắc hơn. Thành ngữ có thể đảm nhận chức năng cú pháp như từ, tức là có thể làm chủ ngữ, vị ngữ, bổ ngữ trong câu.

## 2.2. Khái niệm "tục ngữ"

Quan niệm của các tác giả Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi trong *Từ điển Thuật ngữ văn học* (NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 1999) cho rằng:

- Tục ngữ là một thể loại văn học dân gian mà chức năng chủ yếu là đúc kết kinh nghiệm, tri thức dưới hình thức những câu nói ngắn gọn, súc tích, giàu vần điệu, hình ảnh, dễ nhớ, dễ truyền.

- Về nội dung, tục ngữ là kho kinh nghiệm và tri thức thực tiễn vô cùng phong phú và quý giá của nhân dân. Không một lĩnh vực nào của đời sống và cuộc đấu tranh sinh tồn của nhân dân mà tục ngữ không nói tới.

- Về cấu trúc ngôn từ, tục ngữ chủ yếu được làm theo hình thức những câu ngắn có vần hoặc không vần (đa số là loại câu từ bốn đến mười tiếng). Nhưng cũng có một bộ phận tục ngữ được làm theo hình thức câu dài gồm hai, ba vế (từ mười tiếng trở lên, có khi trên 20 tiếng)... Nhưng dù ngắn hay dài thì mỗi đơn vị tục ngữ cũng đều được gọi là "câu" (chứ không gọi là "bài").

Thành ngữ, tục ngữ có mối quan hệ gắn bó với nhau, chúng là những đơn vị song trùng. Xét về mặt chức năng của một đơn vị ngôn ngữ thì thành ngữ tương ứng với 1 từ (một cụm từ được cố định hóa), tục ngữ tương ứng với một câu - một thông báo. Nhưng xét từ góc độ văn hóa thì thành ngữ, tục ngữ đều là những biểu tượng, giữa chúng có sự giao thoa, tương hợp, khăng khít với nhau cho nên tác giả bài viết xin phép dùng chung khái niệm, thành ngữ, tục ngữ mà không cần nhiều về những vấn đề lý thuyết xung quanh hai đơn vị này, cũng như sự tách biệt rạch ròi giữa hai đơn vị.

### 2.3. Vận dụng thành ngữ, tục ngữ thực hiện hành động nhận xét đánh giá qua lời thoại nhân vật trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng

#### 2.3.1. Thống kê thành ngữ, tục ngữ

Kết quả khảo sát 05 quyển tiểu thuyết của nhà văn Ma Văn Kháng cho thấy, nhân vật trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng vận dụng thành ngữ, tục ngữ vào lời thoại có mục đích nhận xét với số lượng cụ thể như sau:

**Bảng 2.3.1. Thống kê số lượng thành ngữ, tục ngữ thực hiện hành động nhận xét đánh giá qua lời thoại nhân vật trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng**

TT	Tiểu thuyết	Số lượng
1	Mưa mùa hạ	13
2	Côi cút giữa cảnh đời	46
3	Mùa là rung trong vườn	47
4	Đám cưới không có giấy giá thú	29
5	Một mình một ngựa	45
	Tổng	180

Qua Bảng 2.3.1, chúng tôi nhận thấy có 180 thành ngữ, tục ngữ trên tổng số 1034 tham thoại chứa hành động nhận xét qua lời thoại nhân vật trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng, tỷ lệ 17,4% trên tổng số tham thoại. Qua đó cho thấy số lượng thành ngữ, tục ngữ được vận dụng thực hiện hành động nhận xét đánh giá qua lời thoại nhân vật trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng là tương đối lớn.

#### 2.3.2. Phân loại thành ngữ, tục ngữ

GS. Hoàng Văn Hành chia thành ngữ tiếng Việt theo ba kiểu loại: thành ngữ đối, thành ngữ so sánh và thành ngữ thường. Theo GS. Nguyễn Nhã Bản thì thành ngữ được chia làm 3 loại: thành ngữ đối, thành ngữ so sánh và thành ngữ liên quan đến điển tích điển cố (và một phần nào nói đến thành ngữ Hán - Việt). PGS.TS. Chu Thị Thủy An, trong *Giáo trình dạy Tiếng Việt*, căn cứ vào số lượng âm tiết trong thành ngữ tục ngữ để chia thành các loại khác nhau. Xem ra cách phân loại này có nhiều gian tiện với mọi người và tác giả bài viết ủng hộ cách phân loại này.

Xét về mặt số lượng yếu tố, thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt được chia làm các loại: loại ba âm tiết, loại bốn âm tiết, loại năm âm tiết, loại sáu âm tiết và loại bảy âm tiết...

**Bảng 2.3.2. Thống kê phân loại thành ngữ, tục ngữ thực hiện hành động nhận xét đánh giá qua lời thoại nhân vật trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng**

TT	Tiểu nhóm	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Ba âm tiết	11	6,1
2	Bốn âm tiết	95	53
3	Năm âm tiết	17	9,4
4	Sáu âm tiết	32	17,8
5	Bảy âm tiết	8	4,45
6	Tám âm tiết	10	5,56
7	Chín âm tiết trở lên	7	3,89
	Tổng	180	100

Kết quả khảo sát qua Bảng 2.3.2 cho thấy, thành ngữ, tục ngữ thực hiện hành động nhận xét đánh giá qua lời thoại nhân vật trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng được chia làm 7 tiểu nhóm, trong đó loại thành ngữ, tục ngữ có 4 âm tiết có số lượng nhiều hơn cả, gồm 95 thành ngữ tục ngữ, tỷ lệ 53%, tiếp theo là tiểu nhóm thành ngữ, tục ngữ có 6 âm tiết là 32, tỷ lệ là 17,8%; thứ 3 là tiểu

nhóm thành ngữ, tục ngữ có 5 âm tiết có số lượng 17, tỷ lệ 9,4%; thứ 4 là tiểu nhóm thành ngữ, tục ngữ có 3 âm tiết có số lượng 11, tỷ lệ 6,1%; thứ 5 là tiểu nhóm thành ngữ, tục ngữ có 8 âm tiết có số lượng 10, tỷ lệ 5,56%; tiếp đến là tiểu nhóm thành ngữ, tục ngữ có 7 âm tiết có số lượng 8, tỷ lệ 4,44%; cuối cùng là tiểu nhóm thành ngữ, tục ngữ có 9 âm tiết trở lên có số lượng 7, tỷ lệ 3,9%.

2.3.2.1. Thành ngữ tục ngữ có 4 âm tiết

Trong tiếng Việt thì thành ngữ, tục ngữ loại bốn âm tiết chiếm 70% vì nó có cấu tạo âm tiết cân đối, có hai vế, vế thứ nhất cấu tạo tương tự như vế thứ hai. Hình thức như thế tạo nên sự cân đối, hài hòa. Mặt khác, nghĩa của một vế tương đương với nghĩa của hai vế cho nên nghĩa của nó được nhấn mạnh tăng cường. Nhà văn Ma Văn Kháng cũng đã vận dụng thành ngữ, tục ngữ có 4 âm tiết với số lượng nhiều nhất trong các tham thoại có vận dụng thành ngữ, tục ngữ để thực hiện hành động nhận xét đánh giá.

(1) *Phố xá người ta ầm ầm sắm sửa, mua bán. Quả gác vọt lên trăm rười. Gạo nếp lên hăm chục. Chỗ máy nước đang có đám đánh nhau vì là dong. Chỗ tránh tàu, ô tô kẹp phải cái xe bò chờ chờ mưa. Sao mà lảm chuyện kinh cả người. Thế mà ông cứ bình chân như vại!* (II, tr.7)

Ví dụ (1), vai nói đã thực hiện hai hành động nhận xét, gồm: a) nhận xét về tình hình xã hội Việt Nam đầy biến động (ầm ầm mua sắm, lảm chuyện kinh cả người); b) nhận xét về cách ứng xử của Sp2 (Ông Đông). Vai nói sử dụng thành ngữ *bình chân như vại* để nhận xét thể hiện thái độ chê trách. Nghĩa đen của thành ngữ *bình chân như vại* là nói về cái vật dụng trong gia đình có kích thước nhỏ nhưng chắc thường dùng để trữ lương thực. Thành ngữ này được dùng trong lời thoại ở ví dụ (1) để nói về cách ứng xử của Sp2 là bàng quan, thờ ơ, phớt lờ mọi sự đổi thay đang diễn ra của xã hội.

(2) *Im đi để ông vu vạ tôi, hà? Sao cái thân tôi khôn khô, khôn nạn thế này! Một thân tôi lo nghèo rách. Một thân tôi đầu tắt mặt tối để cái quán ăn cháo đá bát nó chửi rủa, móc máy tha thía. Tôi truyền đời báo danh cho ông biết, từ nay ông đi đầu thì đi! Của anh anh mang. Của ông ông xách. Ông đừng có bèn mắng đến cái nhà này nữa!* (III, tr. 635)

Ở ví dụ (2), vai nói đã thực hiện hai hành động nhận xét gồm: 1) nhận xét về cuộc sống của bản thân bằng 2 thành ngữ có 4 âm tiết: *khôn khô khôn nạn, đầu tắt mặt tối*. Với việc sử dụng thành ngữ này, vai nói nhận xét cuộc sống của bản thân: vất vả, khôn khổ bận rộn từ ngày đến đêm nhưng cuộc sống không sang sủa gì với thái độ than vãn; 2) nhận xét về cách ứng xử của người khác trước nỗi vất vả của mình bằng thành ngữ: *ăn cháo đá bát*. Nghĩa đen của thành ngữ *ăn cháo đá bát* là nói về hành động ăn uống, hành động của chân với dụng cụ ăn uống của con người. Thành ngữ này được dùng trong lời thoại ở ví dụ (2) để nói về cách ứng xử của Sp2 là thái độ không vô ơn, thiếu trách nhiệm.

2.3.2.2. Thành ngữ tục ngữ có 6 âm tiết

Bên cạnh thành ngữ, tục ngữ có số lượng 4 âm tiết, chúng tôi nhận thấy, tham thoại chứa hành động nhận xét đánh giá sử dụng thành ngữ tục ngữ tiểu nhóm 6 âm tiết có tỷ lệ khá cao, gồm 32 thành ngữ, chiếm tỷ lệ 17,8%.

(3) *Ông Bình ghé tai Toàn: Toàn này, ông Quyết Định vừa nói một câu rất hay. Hư hỏng của cái Quán là cái việc vại cần nà, mạ cần trá, nghĩa là trâu gấn ruộng, ngựa gấn mạ (vại cần nà, mạ cần trá) để nhận xét, lý giải nguyên nhân vi phạm kỷ luật của đồng chí Quán - Bí thư Thành ủy một cách khách quan và thấu tình đạt lý.*

Ở ví dụ (3), vai nói đã vận dụng tục ngữ *Tàu trâu gấn ruộng, ngựa gấn mạ* (vại cần nà, mạ cần trá) để nhận xét, lý giải nguyên nhân vi phạm kỷ luật của đồng chí Quán - Bí thư Thành ủy một cách khách quan và thấu tình đạt lý.

(4) *Chà! Hai mắt cháu tôi thao láo như cáo trông giăng thế kia kìa. Bà nhi, nói đại, cái hôm thấy cháu nằm vắt trên vai bà, ruồi đậu mép không buồn đuổi, đã tưởng khó nên người. Giờ, sắp đi học được rồi* (IV, tr.162)

Ví dụ (4), Sp1 thực hiện hành động nhận xét về Sp3 bằng hai thành ngữ: 1) về sự tinh táo đến mức không thể tinh táo hơn. Với cấu trúc so sánh, thành ngữ có 6 âm tiết thao láo như cáo trông giăng có nghĩa đen chỉ về hành động của mắt mở to giống như con cáo nhìn trắng để nhấn mạnh độ tinh táo của Sp3; 2) về sự mệt mỏi của Sp3 bằng thành ngữ “ruồi đậu mép không buồn đuổi” càng tăng thêm sự mệt mỏi, mất hết cảm giác, đến cả con ruồi đậu mép rất khó chịu nhưng cũng không buồn đuổi.

### 2.3.3. Một số nhận xét

#### 2.3.3.1. Xen kẽ thành ngữ, tục ngữ với lời thoại thông thường

Nghiên cứu lời thoại chưa thành ngữ, tục ngữ để thực hiện hành động nhận xét đánh giá, chúng tôi nhận thấy nhà văn Ma Văn Kháng vận dụng thành ngữ, tục ngữ linh hoạt đầy biến hóa bằng cách xen kẽ thành ngữ, tục ngữ với lời thoại thông thường nhưng không phá vỡ cấu trúc của nó.

(5) *Người phụ nữ cởi khăn len, giọng trầm xuống: Bác ạ, con vừa chặt cây nhà con. Bác tiếc mười, con cũng tiếc tám chín. Nhưng... cái thể của mình không thể vì tham đó mà bỏ đấng. Tham bát mà bỏ cả mâm được.* (I, tr.280)

Trong lời thoại ở ví dụ (5), Thuận đã đưa ra ba hành động ngôn ngữ trong đó hành động nhận xét chủ hướng được vai nói sử dụng 2 thành ngữ *tham đó bỏ đấng*, *tham bát bỏ mâm* để nhận xét về cách ứng xử của bản thân trước hoàn cảnh thực tại của địa phương. Nghĩa đen của thành ngữ là phương pháp làm việc có hiệu quả trong nghề đánh bắt thủy hải sản (đó, đấng) hay là các vật dụng trong gia (bát, mâm). Trong lời thoại trên, hai thành ngữ này được dùng để thể hiện phương pháp làm việc trong tình hình hiện nay: mình (bao gồm Sp1 và Sp2) phải chú ý đến cái lớn, cái toàn thể, cái hữu ích lâu dài chứ không chỉ tập trung chú ý chạy theo cái nhỏ, cái cục bộ. Cái hay của ví dụ (5) là nhân vật dùng lời thoại thông thường xen giữa thành ngữ (mà, mà/cả) không những là không phá vỡ cấu trúc của nó mà còn khiến cho lời thoại đi vào lòng người một cách nhẹ nhàng, tinh tế.

(6) *Nhưng có một thực tế là: Không nhất thiết thật giàu có mới sống đẹp được. Đói vẫn sạch được. Rách vẫn thơm được. Mỗi người đều có thể sống đẹp được; không nên đổ lỗi cho hoàn cảnh; nhưng cũng không nên quá khắt khe với sai lầm của con người, con người đang ở trong tiến trình của nó. Nó còn vật lộn dai dẳng với bản thân nó. Cần đi học nước ngoài về. Cần lưu ý điều này: đứng vững trên mảnh đất than bụi đầy bùn này mà giữa mặt đón nhận thế giới. /Dân tộc mình đẹp, biết sống làm người lắm. Nhân nghĩa, vị tha, hết lòng cho nhau. /Không có cái đó, lạc lối ngay.* (II, tr.334)

Ở ví dụ (6), chúng ta thấy thành ngữ “đói cho sạch, rách cho thơm”, đã được Sp1 vận dụng sáng tạo bằng cách chêm xen ngôn ngữ hội thoại thông thường, được lặp lại *vẫn/ được* để thực hiện hành động nhận xét đánh giá về cách sống, sống tốt, sống đẹp, sống cao cả dù vật chất thiếu thốn. Với cách vận dụng linh hoạt như vậy càng bộc lộ thái độ của Sp1 với niềm tin tưởng sâu sắc những giá trị tốt đẹp của con người.

#### 2.3.3.2. Sử dụng nhiều thành ngữ, tục ngữ trong một lời thoại

Để thực hiện hành động nhận xét, đánh giá, ngay trong một lời thoại, nhân vật trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng sử dụng nhiều thành ngữ, tục ngữ.

(7) *Lý nhày chồm chồm; Thôi thế là vợ Cừ trúng số rồi nhé. Không còn phải than thân trách phận gì nữa nhé. Thật là ăn mày được xôi gấc, mèo mù vớ cá rán chưa! Rõ là tự dương nhé!* (II, tr.228)

Lời thoại ở ví dụ (7) chứa 3 thành ngữ nhận xét về cô Cừ gồm: 1) *than thân trách phận*; 2) *ăn mày được xôi gấc*; 3) *mèo mù vớ cá rán*. Cấu trúc phủ định kết hợp với thành ngữ: Không còn phải *than thân trách phận* để nhận xét về hoàn cảnh cuộc đời cô Cừ từ nay không còn phải than vãn về số phận không may của bản thân mình. Hai thành ngữ *ăn mày được xôi gấc, mèo mù vớ cá rán* đóng vai trò là tính từ để nhận xét về cuộc đời cô Cừ là nghèo khổ, khó khăn nay gặp được may mắn, sung sướng ngoài sức tưởng tượng.

(8) *Nào tôi có ăn hơn nói kém. Chẳng qua bây giờ ông nắm quyền hành trong tay, khiến tôi nộ vợ chưa qua, tội gà đã tới. Nhưng, nghĩ rằng muốn gì được nấy là chưa thấu hiểu lẽ đời, ông ạ. Sông có khúc, người có lúc. Đất có tuần, dân có vận đây, chứ ông.* (IV, tr. 108)

Ví dụ (8) có đến 3 thành ngữ, tục ngữ để Sp1 thực hiện nhận xét đánh giá về bản thân và về cuộc đời một cách sâu sắc: 1) “*ăn hơn nói kém*” là thành ngữ có nghĩa gốc chỉ về mức độ của hành động ăn và nói. Được Sp1 vận dụng trong lời thoại để thực hiện mục đích nhận xét về cách ứng xử của bản thân là không bao giờ ăn, ở nói năng điêu bạc, có nhiều nói ít, có ít nói nhiều, thiếu trung thực. 2) “*sông có khúc, người có lúc*”, “*Đất có tuần, dân có vận*” là hai câu tục ngữ nói về triết lý sơ khai của người Việt, nó chứa đựng cả ý nghĩa về mặt chữ, lẫn nghĩa bóng sâu xa để nhận xét về cuộc đời: sông chảy theo mọi góc ngách, có khúc sông to, khúc sông nhỏ, khúc nông, khúc sâu, cong, thẳng. Con người cũng lúc này lúc khác, lúc buồn bã, âu lo, lúc vui vẻ... nói chung mọi chuyện đều có thể xảy ra. Cuộc đời này đều có thể thay đổi, luân phiên, đa dạng và đầy màu sắc. Cuộc đời, sự vật có lúc may lúc rủi, lúc thịnh, lúc suy nhưng không nên bi quan, chán nản. Những vấn đề về cuộc đời, về nhân sinh quan được nhà văn Ma Văn Kháng thể hiện một cách sâu sắc thông qua việc vận dụng thành ngữ, tục ngữ trong lời thoại nhân vật.

Tóm lại, việc sử dụng thành ngữ, tục ngữ vào lời thoại có mục đích nhận xét không chỉ thể hiện một cách sâu sắc mục đích nhận xét của vai nói mà còn thể hiện vẻ đẹp hài hòa, cân đối trong ngôn ngữ hội thoại của nhà văn Ma Văn Kháng, đồng thời thấy được tài năng của nhà văn trong cách vận dụng các con chữ đầy biến hóa, vừa quen, vừa lạ, vừa giản dị vừa độc đáo.

### 3. KẾT LUẬN

1. Bài viết đi sâu nghiên cứu cách vận dụng thành ngữ, tục ngữ để thực hiện hành động nhận xét qua lời thoại nhân vật trong tiểu thuyết của Ma Văn Kháng. Hành động nhận xét là hành động mà ở đó, người nói đưa ra những kết luận mang tính chủ quan về giá trị của một đối tượng. Trong quan hệ liên nhân, đây là hành động ngôn ngữ góp phần điều chỉnh cách sống, cách ứng xử của một cá nhân hoặc tập thể nào đó, hướng tới những mục đích cụ thể trong hoạt động giao tiếp. Khảo sát 5 tác phẩm của nhà văn Ma Văn Kháng, tác giả đã thống kê được 180 thành ngữ, tục ngữ xuất hiện trong lời thoại nhân vật có chứa hành động nhận xét đánh giá. Đây là một số lượng tương đối cao, thể hiện tài năng của nhà văn trong việc vận dụng tinh hoa của dân tộc trong ngôn ngữ hội thoại.

2. Trong các tiểu nhóm thành ngữ, tục ngữ, Ma Văn Kháng sử dụng tiểu nhóm thành ngữ, tục ngữ có số âm tiết chẵn với số lượng cao hơn, đặc biệt tiểu nhóm có 4 âm tiết, số lượng 95/180, tỷ lệ 53%. Kết quả ấy không đi ngược lại với tính thẩm mỹ trong ngôn ngữ của người Việt Nam. Người Việt thường dùng nhịp đôi, nhịp chẵn với sự phối thanh hài hòa, cân đối. Với những diễn giải từ góc nhìn ngữ dụng càng giúp ta có thêm một căn cứ để hiểu thêm khả năng sử dụng ngôn ngữ đời sống trong sáng tạo văn học của một bậc thầy tiểu thuyết Việt Nam.

3. Ngay trong một lời thoại, nhân vật thực hiện nhiều hành động nhận xét thì đồng thời sử dụng nhiều thành ngữ, tục ngữ với các tiểu nhóm khác nhau. Thậm chí lời thoại chỉ thực hiện

một hành động nhận xét đánh giá nhưng nhân vật cũng sử dụng hai thành ngữ trở lên. Ngoài ra, chúng tôi còn nhận thấy khả năng vận dụng tài tình, sáng tạo cách xen kẽ ngôn ngữ hội thoại thông thường với thành ngữ, tục ngữ cho thấy tài năng của nhà văn Ma Văn Kháng trong việc sử dụng con chữ dễ hiểu nhưng không kém phần linh hoạt, biến hóa. Và như vậy với việc vận dụng và sử dụng thành ngữ tục ngữ nhuần nhuyễn sẽ làm cho nội dung nhận xét, đánh giá qua lời thoại nhân vật sẽ trở nên phong phú, sinh động và giàu tính thuyết phục.

Những điều trình bày trên đây mới chỉ là kết quả bước đầu. Hy vọng, ngôn ngữ trong tiểu thuyết của Ma Văn Kháng sẽ được quan tâm tìm hiểu sâu sắc, toàn diện hơn nhờ các thành tựu từ học, phong cách học hiện đại.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu (2001), *Đại cương Ngôn ngữ học (Ngữ dụng học)*, tập 2, NXB Giáo dục Hà Nội.
2. Nguyễn Thiện Giáp (2010), *777 khái niệm ngôn ngữ học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
3. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (1999), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục.
4. Nguyễn Văn Tu (1986), *Từ vựng học tiếng Việt hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
5. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1996), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

#### TƯ LIỆU NGHIÊN CỨU

1. Ma Văn Kháng (1982), *Mưa mùa hạ*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
2. Ma Văn Kháng (2003), *Mùa lá rụng trong vườn*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
3. Ma Văn Kháng (2003), *Đám cưới không có giấy giá thú*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
4. Ma Văn Kháng (1989), *Côi cút giữa cánh đời*, NXB Văn học, Hà Nội.
5. Ma Văn Kháng (2010), *Một mình một ngựa*, NXB Phụ nữ, Hà Nội.



171. KHẢO SÁT CÁCH CHUYỂN DỊCH Ý NGHĨA THỂ CỦA CHỈ TỐ CÂU 丁 TRONG TIẾNG TRUNG QUỐC SANG TIẾNG VIỆT  
Luu Thị Cẩm Thu ..... 1355
172. MỐI QUAN HỆ GIỮA NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA QUA TẬP BIÊN KHẢO "THUẬN PHONG MỸ TỤC VIỆT NAM (QUAN, HÔN, TANG, TẾ)"  
CỦA SƠN NAM  
Luu Thị Cẩm Thu ..... 1364
173. ÁN DỤ Ý NIỆM CHỈ "CÁI CHẾT" TRONG "RỒNG ĐỎ" CỦA THOMAS HARRIS  
Nguyễn Minh Thu ..... 1372
174. VĂN DỤNG THÀNH NGỮ, TỤC NGỮ THỰC HIỆN HÀNH ĐỘNG NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ  
QUA LỜI THOẠI NHÂN VẬT TRONG TIỂU THUYẾT MA VĂN KHÁNG  
Đặng Thị Thu ..... 1380
175. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠO PHẬT ĐẾN NGÔN NGỮ VÀ ĐỜI SỐNG TINH THẦN CỦA NGƯỜI VIỆT NAM  
Trần Thị Minh Thực ..... 1387
176. ÁN DỤ BẢN THỂ THUỘC NHÓM TỬ CHỈ HIỆN TƯỢNG LIÊN QUAN ĐẾN NƯỚC THUỘC PHẠM TRÙ THỜI TIẾT TRONG TIẾNG VIỆT  
Nguyễn Thị Thùy, Nguyễn Thu Huyền ..... 1394
177. KHẢO SÁT LỖI CHÍNH TẢ CỦA HỌC SINH LỚP 6 VÀ LỚP 7 TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LƯƠNG THẾ VINH, QUẬN LIÊN CHIỂU,  
TP. ĐÀ NẴNG  
Hoàng Thị Thanh Thủy, Nguyễn Ngọc Chinh ..... 1399
178. KHẢO SÁT THÀNH NGỮ TIẾNG HÁN TRONG GIÁO TRÌNH 《发展汉语高级口语二》  
Nguyễn Thị Hà Thủy ..... 1406
179. ĐẶC ĐIỂM SỬ DỤNG TỪ NGỮ XUNG HỒ CỦA CÁC NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN NGẮN NGUYỄN MINH CHÂU SAU NĂM 1975  
Nguyễn Thị Minh Thư ..... 1413
180. KHAI THÁC KÊNH HÌNH THEO HƯỚNG TÍCH HỢP NĂNG LỰC TRỰC QUAN ĐỂ GIẢNG DẠY TIẾNG ANH  
Nguyễn Thị Thương ..... 1419
181. XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÙNG VỚI NHỮNG THÁCH THỨC CỦA NGHIÊN CỨU DỊCH THUẬT  
VÀ NHỮNG GỢI Ý CHO NGHIÊN CỨU DỊCH THUẬT Ở VIỆT NAM  
Lê Hùng Tiến ..... 1433
182. NGÔN NGỮ QUẢNG CÁO VÀ VẤN ĐỀ CHUẨN HOÁ TIẾNG VIỆT  
Phạm Văn Tinh, Chu Thị Thùy Phương ..... 1448
183. NHÌN NHẬN LẠI BẢN CHẤT CỦA TÍN HIỆU NGÔN NGỮ  
Nguyễn Đức Tồn ..... 1452
184. LẬP LUẬN ĐƠN TRONG KỊCH CỦA LƯU QUANG VŨ  
Lê Thị Trang ..... 1472
185. NGỮ NGHĨA CỦA "着" TRONG TIẾNG HÁN VÀ KIẾN NGHỊ TRONG GIẢNG DẠY  
Phạm Thị Trang ..... 1478
186. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM VỀ HÀNH VI NGÔN NGỮ TRONG HOẠT ĐỘNG TIẾP XÚC CỬ TRI CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH  
GIAI ĐOẠN 2016-2020  
Nguyễn Quang Minh Triết ..... 1482
187. QUAN HỆ TỔNG PHẦN CỦA TỪ NGỮ CHỈ ĐỘNG VẬT TRONG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM  
Nguyễn Thanh Tuấn ..... 1495
188. MIẾN Ý NIỆM DUYÊN TRONG TRI NHẬN CỦA NGƯỜI NAM TRUNG BỘ  
Đào Duy Tùng, Đoàn Thị Phương Lam ..... 1503
189. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY THÀNH NGỮ TIẾNG HÁN TRONG MÔN TIẾNG TRUNG QUỐC TỔNG HỢP  
Lê Thị Thanh Tú ..... 1511